

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 489/2023/DS-PT
Ngày 14-12-2023
V/v tranh chấp bồi thường thiệt
hại do kết quả bán đấu giá bị hủy

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Trúc;
Ông Lê Sỹ Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 346/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do kết quả bán đấu giá bị hủy”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 368/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 516/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Vương Lê X**, sinh năm 1984; địa chỉ: **số D, A, Phường H, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Võ Duy K**, sinh năm 1986 hoặc ông **Hà Văn K1**, sinh năm 1979; cùng địa chỉ liên hệ: **tầng 01, số B, Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương**, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/10/2022), ông **Võ Duy K** có mặt, ông **Hà Văn K1** vắng mặt.

- Bị đơn:

1. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Văn B** – Chức vụ: Chấp hành viên trung cấp, Phó Chi Cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông **Phạm Văn B**: Ông **Nguyễn Cảnh T**, sinh năm 1977 và bà **Phan Thị H**, sinh năm 1989 – Chức vụ: Chấp hành viên, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/12/2023), có mặt.

2. Công ty **Đ1**; địa chỉ: **số B, đường số H, khu dân cư H, khu G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đặng Hoàng C** – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của ông **Đặng Hoàng C**: Ông **Phạm Minh T1**, sinh năm 1980; địa chỉ: **số A, đường D, khu dân cư C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương** và ông **Huỳnh Thanh H1**, sinh năm 1990; địa chỉ: **số A, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương**, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/11/2023), ông **T1** và ông **H1** có mặt.

3. Ông **Trần Quốc T2**, sinh năm 1963; địa chỉ: **số G, N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.**

4. Bà **Châu Ngọc P**, sinh năm 1971; địa chỉ: **số D - D, B, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh**; địa chỉ liên hệ: **số G, N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện hợp pháp của ông **Trần Quốc T2** và bà **Châu Ngọc P**:

1. Ông **Trần Quang V**, sinh năm 1974; địa chỉ: **ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang**;

2. Bà **Đào Thị T3**, sinh năm 1988; địa chỉ: **thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**;

Ông **V** và bà **T3** cùng địa chỉ liên hệ: **số C, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương**, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/5/2023), ông **V** và bà **T3** có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông **Trần Quốc T2** và bà **Châu Ngọc P**: Bà **Lê Thị Thanh N** – Luật sư của **Văn phòng L1** thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh B**, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty **Cổ phần T7**; địa chỉ: **số C, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Quốc T2** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc, vắng mặt.

2. Bà **Trần Thị Kim Đ**, sinh năm 1966; địa chỉ: **số G, N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh**, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Ông **Hoàng Ngọc T4**, sinh năm 1963; địa chỉ: **số H, Cách mạng tháng T, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người kháng cáo: bị đơn **Công ty Đ1**; ông **Trần Quốc T2** và bà **Châu Ngọc P**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2016 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Vương Lệ X** trình bày:

Ngày 30/10/2014, Công ty TNHH Đ1 (sau đây gọi tắt là Công ty Đ1) tổ chức bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất 300m² và tài sản gắn liền với đất là nhà văn phòng có diện tích sàn xây dựng 948,49m² thuộc một phần thửa đất số 780, số 781, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại khu phố N, phường B, thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương với giá khởi điểm theo chứng thư thẩm định giá là 2.815.372.000 đồng. Bà Vương Lệ X đã mua đấu giá trúng tài sản trên với giá 2.816.000.000 đồng nên Công ty Đ1 và bà X đã ký Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 69 ngày 30/10/2014. Trong hợp đồng hai bên thỏa thuận các vấn đề liên quan bao gồm nghĩa vụ thanh toán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng; thời hạn giao tài sản là 45 ngày làm việc kể từ ngày bà X nộp đủ tiền, trừ trường hợp phải cưỡng chế thì thời hạn không quá 90 ngày làm việc. Ngày 28/11/2014, bà X nộp đủ số tiền 2.816.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Đ1. Sau khi nộp đủ tiền, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Dĩ An (gọi tắt là cơ quan Thi hành án) và Công ty Đ1 vẫn không bàn giao tài sản cho bà X đúng như thỏa thuận. Sau đó, ông T2, bà P khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một để yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 30/10/2014. Ngày 22/01/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã xét xử phúc thẩm hủy kết quả bán đấu giá và hủy Hợp đồng mua bán đấu giá tài sản số 69 ngày 30/10/2014. Nguyên nhân dẫn đến việc hủy trên là do cơ quan Thi hành án và Công ty Đ1 có lỗi vì không thực hiện đúng trình tự thủ tục bán đấu giá tài sản theo quy định pháp luật, vi phạm cam kết, làm thiệt hại lớn về mặt thực tế cho bà X, vì bà X đã giao đủ tiền nhưng nhiều năm vẫn không được nhận tài sản. Ngày 30/12/2016, Công ty Đ1 đã hoàn trả cho bà X số tiền mua tài sản bán đấu giá là 2.816.000.000 đồng nên nguyên đơn đã rút yêu cầu này và chỉ yêu cầu cơ quan Thi hành án và Công ty Đ1 bồi thường thiệt hại với số tiền 1.762.000.000 đồng.

- Bị đơn Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương trình bày:

Thông nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về thời gian, tài sản bán đấu giá, giá trị tài sản bán đấu giá, người mua đấu giá trúng, các thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 69, về thời hạn thanh toán, thời hạn giao tài sản. Cơ quan Thi hành án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc bồi thường thiệt hại với số tiền 1.762.000.000 đồng của nguyên đơn. Vì cho rằng thủ tục bán đấu giá tài sản thực hiện đúng, đầy đủ; cơ quan Thi hành án đã tổng đạt Thông báo bán đấu giá tài sản số 379/TB-CCThA ngày 22/9/2014 cho ông Võ Khắc C1 là người được ông T2, bà P và Công ty Cổ phần T7 ủy quyền tham gia giai đoạn thi hành án, Công ty Đ1 tiến hành niêm yết và đăng báo công khai. Việc bà X không nhận được tài sản mua đấu giá trúng không phải do lỗi của cơ quan Thi hành án mà do vợ chồng ông T2, bà P không chấp hành giao tài sản và do Bản án dân sự phúc thẩm số 25/2016/DS-PT ngày 26/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử không đúng quy định pháp luật. Mặt khác, số tiền nguyên đơn yêu cầu bồi thường căn cứ vào mức chênh lệch giá đã mua và giá theo chứng thư thẩm định các lần sau là không phù hợp, vì tài sản hiện tại vẫn chưa bán được. Do đó, cơ quan Thi hành án và Công ty Đ1 chỉ đồng ý trả lại cho nguyên đơn số tiền lãi 146.008.766 đồng phát sinh từ số tiền gửi 2.816.000.000 đồng do Công ty Đ1 quản lý chủ tài khoản.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Đ1 trình bày:

Thông nhất trình bày của nguyên đơn về thời gian và tài sản bán đấu giá, giá trị tài sản bán đấu giá, người mua đấu giá trúng, các thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán

tài sản bán đấu giá số 69, về thời hạn thanh toán, thời hạn giao tài sản. Trước khi bán đấu giá tài sản, Công ty Đ1 đã tiến hành niêm yết việc bán đấu giá tài sản tại nơi bán đấu giá, nơi có bất động sản và Ủy ban nhân dân phường nơi có bất động sản bán đấu giá, thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng vào ngày 22 và ngày 26/9/2014. Tại phiên đấu giá tài sản ngày 30/10/2014 chỉ có hai người tham gia đấu giá là bà Vương Lệ X và ông Nguyễn Huỳnh Công K2, phương thức trả giá trực tiếp bằng lời nói theo từng vòng đấu giá. Kết quả bà X đã trúng với giá đấu cao nhất tại vòng đầu tiên là 2.816.000.000 đồng. Sau khi bà X nộp đủ số tiền trên, cùng ngày 28/11/2014, Công ty Đ1 ra Công văn số 765/CV-CL đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Dĩ An giao tài sản bán đấu giá cho bà X. Ngày 22/10/2015, Công ty Đ1 tiếp tục có Công văn số 1088/CV-CL đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Dĩ An giao tài sản cho bà X theo Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 69. Việc bà X vẫn không nhận được tài sản mua đấu giá trúng thì Công ty Đ1 không có lỗi. Về thủ tục bán đấu giá, Công ty Đ1 đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật và quy chế bán đấu giá của công ty. Do đó, Công ty Đ1 không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 1.762.000.000 đồng của nguyên đơn, chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền lãi 146.008.766 đồng phát sinh từ số tiền gửi 2.816.000.000 đồng hiện do công ty đang quản lý chủ tài khoản. Nguyên đơn căn cứ vào mức chênh lệch giữa giá đã mua và kết quả chứng thư thẩm định các lần sau để yêu cầu bồi thường là không phù hợp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần T7 (sau đây gọi tắt là Công ty T7) trình bày:

Quá trình cưỡng chế, kê biên, bán đấu giá tài sản để thi hành án theo Quyết định số 56/2012/QĐST-DS ngày 30/5/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, Công ty T7, ông T2, bà P đã ủy quyền cho ông Võ Khắc C1 tham gia với tư cách là người phải thi hành án, không ghi cụ thể từng nội dung phải thi hành án, không ủy quyền với tư cách của người đang quản lý, sử dụng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tài sản bán đấu giá. Công ty Đ1 không tổng đạt cho ông T2, bà P và Công ty T7 văn bản nào về việc bán đấu giá tài sản. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Dĩ An không gửi bất kỳ thư mời tham dự bán đấu giá nào cho ông C1 mà chỉ gửi một số thông báo liên quan đến bán đấu giá tài sản nhưng không đầy đủ. Trình tự bán đấu giá được thực hiện không đúng quy định pháp luật, có nhiều sai phạm như: biên bản đấu giá thể hiện Công ty Đ1 không phổ biến quy chế, thể thức và nội quy phiên đấu giá cho những người tham gia đấu giá. Trong phiên đấu giá vắng mặt người có tài sản đấu giá, chấp hành viên không có chữ ký. Danh sách những người đăng ký tham gia không được công bố công khai tại nơi bán đấu giá và Công ty Đ1 không thông báo việc bán đấu giá tài sản cho những người liên quan đến tài sản đó là ông T2, bà P, Công ty T7 và bà Nguyễn Thị T5 biết là vi phạm quy định bán đấu giá tài sản. Công ty T7 không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc T2, bà Châu Ngọc P thống nhất trình bày:

Thống nhất toàn bộ ý kiến trình bày của ông Võ Khắc C1, đại diện cho Công ty T7. Ông T2, bà P không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Lệ X yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) D và Công ty TNHH Đ1 hoàn trả số tiền 2.816.000.000 đồng.

2. Công ty TNHH Đ1 có trách nhiệm giao cho bà VI Lệ Xuân 146.008.766 đồng là khoản tiền lãi phát sinh từ số tiền gửi 2.816.000.000 đồng.

3. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) D có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Vương Lệ X số tiền 969.594.740 đồng.

4. Công ty TNHH Đ1 phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Vương Lệ X số tiền 646.396.493 đồng.

Ngày 12/9/2017, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã (nay là thành phố) D có quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm nêu trên.

Ngày 13/9/2017, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) D và Công ty TNHH Đ1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 86/2018/DS-PT ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

1. Không chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương.

2. Chấp nhận kháng cáo của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương và Công ty TNHH Đ1.

3. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương và đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 08/6/2018, bà Vương Lệ X có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 80/2019/KN-DS ngày 11/02/2019, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 86/2018/DS-PT ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 82/2019/DS-GĐT ngày 04/5/2019 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 86/2018/DS-PT ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương.

Tại Công văn số 969/CCTHADS ngày 27/8/2021, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương kiến nghị xem xét kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm số 82/2019/DS-GĐT ngày 04/5/2019 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22/9/2021, Công ty Đ1 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục tái thẩm đối với quyết định giám đốc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị tái thẩm số 19/2022/KN-DS ngày 30/5/2022, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị tái thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm số 82/2019/DS-GĐT ngày 04/5/2019 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử tái thẩm, hủy quyết định giám đốc thẩm nêu trên, hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 86/2018/DS-PT ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại Quyết định tái thẩm số 27/2022/DS-TT ngày 23/8/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định: Hủy Quyết định giám đốc thẩm số 82/2019/DS-GĐT ngày 04/5/2019 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 86/2018/DS-PT ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về vụ án “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do kết quả bán đấu giá bị hủy” giữa nguyên đơn là bà Vương Lệ X với bị đơn là Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân thành phố D thụ lý lại theo thủ tục sơ thẩm. Quá trình giải quyết vụ án:

- Nguyên đơn bà Vương Lệ X có các đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung:

+ Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2022, bà Vương Lệ X trình bày và yêu cầu: Công ty TNHH Đ1 đã trả lại cho bà X số tiền 2.816.000.000 đồng theo quyết định tại Bản án dân sự phúc thẩm số 25/2016/DS-PT ngày 22/01/2016 của Tòa án nhân dân Tỉnh Bình Dương. Hiện nay, theo bà X được biết thì tài sản bà X mua trúng đấu giá nêu trên đã được ông Hoàng Ngọc T4 mua theo Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 04 ngày 11/10/2017 với giá là 4.618.000.000 đồng. Như vậy, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương và Công ty TNHH Đ1 (nay là Công ty Đ1) đã không còn tài sản bàn giao cho bà X theo Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 69 ngày 30/10/2014. Vì vậy, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D và Công ty TNHH Đ1 (nay là Công ty Đ1) vi phạm Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 69 ngày 30/10/2014 nên bà X sửa đổi, bổ sung toàn bộ yêu cầu khởi kiện yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, Công ty TNHH Đ1 (nay là Công ty Đ1), ông Trần Quốc T2 và bà Châu Ngọc P phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bà X giá trị chênh lệch giữa giá trị tài sản bà X mua trúng đấu giá theo Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 69 ngày 30/10/2014 (2.816.000.000 đồng) với giá trị tài sản theo giá thị trường hiện nay, tạm tính yêu cầu bồi thường số tiền là 1.802.000.000 đồng (một tỷ tám trăm lẻ hai triệu đồng).

+ Theo đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 24/4/2023 (bút lục 1364) bà Vương Lệ X trình bày và yêu cầu: Tại Quyết định giám đốc thẩm số 150/2021/DS-GĐT ngày 11/5/2021, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

đã quyết định hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 25/2016/DS-PT ngày 22/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2015/DS-ST ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố T cho nên Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 69 ngày 30/10/2014 giữa bà X và Công ty Đ1 vẫn còn hiệu lực. Nhưng hiện nay, bà X được biết tài sản bà X mua trúng đấu giá đã được ông Hoàng Ngọc T4 mua theo Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 04 ngày 11/10/2017 với giá là 4.618.000.000 đồng. Sau đó, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D đã giao số tiền trên cho ông T2 và bà P nên bà X sửa đổi, bổ sung toàn bộ yêu cầu khởi kiện, bà X yêu cầu:

Buộc Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, Công ty TNHH Đ1 (nay là Công ty Đ1) giao tài sản bán đấu giá là quyền sử dụng đất đối với khu đất có diện tích 300m² đất thổ cư và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà văn phòng (cấp 3) diện tích sàn xây dựng 948,49m² (nhà, đất không có đường vào) thuộc một phần thửa đất số 780, số 781, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại khu phố N, phường B, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương cho bà X theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 69 ngày 30/10/2014.

Nếu không giao được tài sản bán đấu giá thì buộc Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, Công ty TNHH Đ1 (nay là Công ty Đ1) giao giá trị tài sản tương đương mà ông Hoàng Ngọc T4 mua theo Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 04 ngày 11/10/2017, cụ thể: 4.618.000.000 đồng (giá trị tài sản theo Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 04 ngày 11/10/2017) – 2.816.000.000 đồng (số tiền bà X đã nhận) = 1.802.000.000 đồng.

+ Theo đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 24/4/2023 (bút lục 1366) bà Vương Lệ X trình bày và yêu cầu: Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, Công ty Đ1, ông T2 và bà P không giao tài sản cho bà X là chưa đúng theo nội dung của hợp đồng mua bán tài sản đấu giá. Số tiền chênh lệch 1.802.000.000 đồng từ việc bán đấu giá tài sản, ông Trần Quốc T2, bà Châu Ngọc P là người hưởng lợi. Theo quy định của Bộ luật Dân sự về việc bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình mua bán tài sản đấu giá. Tài sản mà bà X mua trúng đấu giá theo Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 69 ngày 30/10/2014 không thể tiến hành bàn giao cho bà X được. Nay bà X yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, Công ty Đ1, ông Trần Quốc T2 và bà Châu Ngọc P liên đới trả cho bà X giá trị tài sản chênh lệch là 4.618.000.000 đồng - 2.816.000.000 đồng = 1.802.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình tố tụng bà X và người đại diện hợp pháp của bà X trình bày: Đối với số tiền 128.631.265 đồng bà X đã nhận của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D thì bà X đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 646.396.493 đồng bà X nhận của Công ty Đ1 đã thi hành án theo Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) D thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà X không đồng ý thanh toán tiền lãi suất chậm trả cho Công ty Đ1 với số tiền 51.711.719 đồng, vì bà X nhận tiền theo bản án có hiệu lực pháp luật và hiện tại chưa có bản án quyết định nào buộc bà X phải trả lại khoản tiền đã nhận nên bà X chưa vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

- Tại Văn bản số 1526/CCTHADS ngày 25/10/2022, Văn bản số 2029/CCTHADS ngày 11/11/2022 và Văn bản số 2030/CCTHADS ngày 11/11/2022 bị đơn Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương trình bày:

Căn cứ Quyết định giám đốc thẩm số 82/2019/DS-GĐT ngày 04/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; Bản án dân sự phúc thẩm số 86/2018/DS-PT ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương; Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D tổ chức thi hành án theo yêu cầu của bà X, cụ thể như sau: tại Quyết định thi hành án số 2402/QĐ-CCTHADS ngày 18/6/2019, Công ty Đ1 có trách nhiệm giao cho bà X số tiền lãi 146.008.766 đồng phát sinh từ số tiền 2.816.000.000 đồng mà bà X đã nộp cho Công ty Đ1 vào ngày 28/11/2014 và bồi thường thiệt hại cho bà X số tiền 646.396.493 đồng. Tại Quyết định thi hành án số 2403/QĐ-CCTHADS ngày 18/6/2019, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà X số tiền 969.594.740 đồng. Quá trình thi hành án, Công ty Đ1 đã thanh toán cho bà X các khoản tiền nêu trên theo Quyết định thi hành án số 2403/QĐ-CCTHADS. Quá trình thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D đã thanh toán cho bà X số tiền 128.631.265 đồng theo Quyết định thi hành án số 2403/QĐ-CCTHADS. Các khoản còn phải thi hành án là: Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) D có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Vương Lê X, sinh năm 1984, thường trú: số D, A, Phường H, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 840.963.475 đồng (tám trăm bốn mươi triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi năm đồng). Cùng khoản tiền kể trên từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngày 18/8/2021, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D có nhận được Quyết định giám đốc thẩm số 150/2021/DS-GĐT ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 25/2016/DS-PT ngày 22/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2015/DS-ST ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử vụ án “Tranh chấp kết quả bán đấu giá tài sản” giữa nguyên đơn là ông Trần Quốc T2, bà Châu Ngọc P với bị đơn là Công ty TNHH Đ1; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vương Lê X và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) D.

Bản án dân sự phúc thẩm số 25/2016/DS-PT ngày 22/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã bị hủy, đồng thời giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2015/DS-ST ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên: “1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc T2, bà Châu Ngọc P đối với Công ty TNHH Đ1 về “Tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản”; 2. Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2015/QĐ-BPKCTT ngày 22/5/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương”. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) D đã tiếp tục thực hiện các thủ tục giao tài sản đã được bán đấu giá thành cho bà Vương Lê X, đúng theo quy định của pháp luật, không làm phát sinh việc bà X khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại theo chênh lệch về giá trị tài sản như đã nêu trên.

Ngày 22/9/2022, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D nhận được Quyết định tái thẩm số 27/2022/DS-TT ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân tối cao, nội dung của quyết định là hủy Quyết định giám đốc thẩm số 82/2019/DS-GĐT ngày 04/5/2019, hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 86/2018/DS-PT ngày 02/5/2018, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 và giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố D giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Do đó, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D yêu cầu Tòa án buộc bà X trả lại cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D số tiền 128.631.265 đồng, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D không phải tiếp tục nộp cho bà X số tiền còn lại theo bản án và các quyết định thi hành án; Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D không yêu cầu bà X phải trả tiền lãi đối với số tiền đã nhận 128.631.265 đồng.

Việc Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D không giao được tài sản bán đấu giá cho bà X không phải do lỗi của cơ quan thi hành án mà do bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên hủy hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá là sai. Vì vậy, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà X.

- Theo đơn yêu cầu ngày 10/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty Đ1 và người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Đ1 Công Lập là ông Phạm Minh T1 và ông Huỳnh Thanh H1 thống nhất trình bày:

Bản án dân sự phúc thẩm số 25/2016/DS-PT ngày 22/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên hủy Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 69 ngày 30/10/2014 giữa Công ty Đ1 với bà Vương Lệ X; Công ty Đ1 có trách nhiệm giao cho bà Vương Lệ X số tiền 2.816.000.000 đồng và bà X đã nhận lại số tiền này. Căn cứ bản án trên bà Vương Lệ X khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại do kết quả bán đấu giá bị hủy. Ngày 04/5/2019, Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 82/2019/DS-GĐT tuyên xữ hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 86/2018/DS-PT ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã (nay thành phố) D, tỉnh Bình Dương. Ngày 18/6/2019, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay thành phố) D, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 2402/QĐ-CCTHADS buộc Công ty Đ1 bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn bà Vương Lệ X số tiền 646.396.493 đồng. Ngày 19/6/2020, Công ty Đ1 nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D số tiền 200.000.000 đồng (Biên lai thu tiền số AA/2013/01562 ngày 19/6/2020); ngày 02/10/2020, Công ty Đ1 nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An số tiền 446.396.493 đồng (Biên lai thu tiền số AA/2016/0010815 ngày 02/10/2020), tổng số tiền Công ty Công Lập nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An là 646.396.493 đồng.

Như vậy, việc Công ty Đ1 phải thi hành án cho Quyết định giám đốc thẩm số 82/2019/DS-GĐT ngày 04/5/2019 và Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã (nay thành phố) D, tỉnh Bình Dương nêu trên là để giải quyết hậu quả của việc Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 69 ngày 30/10/2014 đã bị hủy theo Bản án dân sự phúc thẩm số 25/2016/DS-PT ngày 22/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Hậu quả của việc Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 69 ngày 30/10/2014 bị hủy là nguyên đơn được nhận tiền bồi thường theo hai bản án trên. Từ những nội dung trình bày trên, hiện Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 69 ngày 30/10/2014 đã bị hủy, không còn giá trị pháp lý. Do

đó, Công ty Đ1 không có nghĩa vụ gì theo hợp đồng mua bán tài sản đấu giá đối với nguyên đơn. Hơn nữa, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn từ ngày 30/10/2014. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, thời hiệu khởi kiện của hợp đồng là 03 năm. Vì vậy, thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đấu giá đã hết nên Công ty Đ1 đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do hết thời hiệu khởi kiện.

Công ty Đ1 nhận thấy nguyên nhân nguyên đơn tranh chấp yêu cầu bị đơn phải liên đới trả giá trị tài sản chênh lệch với số tiền là 1.802.000.000 đồng là do Thẩm phán Trương Văn L của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã tuyên Bản án dân sự phúc thẩm số 25/2016/DS-PT ngày 22/01/2016 về việc “Tranh chấp kết quả bán đấu giá tài sản trái pháp luật” và đã bị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên hủy bản án này. Bản án trái pháp luật của Thẩm phán Trương Văn L, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương nêu trên đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì nguyên đơn phải khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với Thẩm phán Trương Văn L và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thay vì đang khởi kiện tranh chấp như hiện nay.

Công ty Đ1 có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà X hoàn trả cho Công ty Đ1 số tiền 646.396.493 đồng và thanh toán tiền lãi suất đối với số tiền 646.396.493 đồng với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày Tòa án thụ lý đơn yêu cầu cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với số tiền 51.711.719 đồng. Tổng cộng số tiền phải thanh toán là 698.108.212 đồng.

- Bị đơn ông Trần Quốc T2 và bà Châu Ngọc P do ông Trần Quang V, bà Đào Thị T3 là người đại diện thống nhất trình bày:

Ông T2 và bà P không ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá với bà X, không có quyền và nghĩa vụ liên quan gì với bà X nên ông T2 và bà P không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hơn nữa, Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 69 giữa bà X với Công ty Đ1 được ký kết ngày 30/10/2014, tính về thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đấu giá theo quy định của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện đã hết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do hết thời hiệu khởi kiện. Việc bà X không nhận được tài sản bán đấu giá là do bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên xử trái pháp luật nên đề nghị bà X khởi kiện ông Trương Văn L và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương yêu cầu bồi thường thiệt hại chứ không phải là khởi kiện ông T2 và bà P.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần T7 trình bày:

Công ty Cổ phần T7 không có ý kiến đối với việc bà X khởi kiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, Công ty Đ1, ông T2 và bà P và đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim Đ trình bày:

Bà Đ xác định không có quyền lợi gì liên quan đến tài sản bán đấu giá và cũng không có ý kiến đối với việc bà X khởi kiện và đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Ngọc T4 trình bày:

Ông **T4** là người mua trúng đấu giá đối với tài sản là quyền sử dụng đất với diện tích 300m² và tài sản gắn liền với đất là nhà văn phòng diện tích sàn xây dựng 948,49m² thuộc một phần thửa đất số 780, số 781, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại **khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương**. Ông **T4** đã được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 033023, số vào sổ CS09155 ngày 10/01/2020. Hiện tại ông **T4** đang quản lý, sử dụng tài sản này. Ông **T4** xác định không có quyền lợi gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà **X** và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 07/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Vương Lệ X** yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D và **Công ty Đ1** hoàn trả số tiền 2.816.000.000 đồng (hai tỷ tám trăm mười sáu triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Vương Lệ X**.

Buộc ông **Trần Quốc T2** và bà **Châu Ngọc P** liên đới bồi thường cho bà **VI Lệ Xuân** số tiền 1.802.000.000 đồng (một tỷ tám trăm lẻ hai triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Vương Lệ X** về việc yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D và **Công ty Đ1** phải liên đới bồi thường số tiền 1.802.000.000 đồng (một tỷ tám trăm lẻ hai triệu đồng).

4. Buộc bà **Vương Lệ X** trả cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D số tiền 128.631.265 đồng (một trăm hai mươi tám triệu sáu trăm ba mươi một nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng).

5. Buộc bà **Vương Lệ X** trả cho **Công ty Đ1** số tiền 646.396.493 đồng (sáu trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng).

6. Buộc Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D trả cho bà **VI Lệ Xuân** phí thi hành án là 27.631.095 đồng (hai mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi một nghìn không trăm chín mươi lăm đồng).

7. Không chấp nhận yêu cầu của **Công ty Đ1** buộc bà **Vương Lệ X** trả tiền lãi 51.711.719 đồng (năm mươi một triệu bảy trăm mười một nghìn bảy trăm mười chín đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/6/2023, bị đơn ông **Trần Quốc T2** và bà **Châu Ngọc P** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 22/6/2023, **Công ty Đ1** kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của **Công ty Đ1** rút kháng cáo, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông **T2**, bà **P** vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông **T2**, bà **P** trình bày quan điểm tranh luận:

- Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai tư cách tố tụng của ông T2, bà P; việc xác định sai tư cách tố tụng ngay từ đầu, chậm trễ trong việc thay đổi tư cách tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm, thậm chí còn không nhận định về việc thay đổi tư cách tố tụng tại phiên tòa, trong bản án đã ảnh hưởng đến việc bảo vệ quyền và lợi ích của ông T2, bà P; ông T2, bà P không thể thực hiện các quyền hợp pháp của họ với đúng tư cách là bị đơn.

Toà án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn có nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu khi phiên tòa xét xử sơ thẩm đã diễn ra đến thủ tục nghị án. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/4/2023, diễn biến phiên tòa đã đến thủ tục nghị án, tại thời điểm này, sau quá trình giải quyết vụ án và phần tranh tụng tại phiên tòa, thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do kết quả bán đấu giá bị hủy”. Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 07/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An là không khách quan, vi phạm quy định tố tụng khi thụ lý yêu cầu mới vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T2, bà P.

Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng trong phiên tòa sơ thẩm khi không tiếp tục diễn biến phiên tòa sau khi tạm ngừng phiên tòa mà quay trở lại phần thủ tục chuẩn bị xét xử và thực hiện lại toàn bộ thủ tục phiên tòa sơ thẩm ở cả 03 phiên tòa ngày 21/4/2023, ngày 25/5/2023 và ngày 07/6/2023.

Vi phạm thủ tục tố tụng trong quá trình chuẩn bị xét xử, không tổng đạt thông báo thụ lý bổ sung cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; không mời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đối với yêu cầu khởi kiện mới của nguyên đơn.

Yêu cầu của bà X đã được Tòa án chấp nhận một phần nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc ông T2, bà P chịu chi phí tố tụng là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ tranh chấp đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, làm hưởng đến quyền và lợi ích của tất cả các đương sự trong vụ án. Bản chất của vụ án vẫn là “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do kết quả bán đấu giá bị hủy”.

Với việc sai phạm quá nhiều các thủ tục tố tụng của Tòa án sơ thẩm thì ông T2, bà P thực sự không xác định được tư cách của mình trong vụ án này là gì, quyền và nghĩa vụ của họ đến đâu trong vụ án này; không chỉ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T2, bà P mà còn của các đương sự khác.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về việc nhận định người thứ ba ngay tình nên cho rằng quyền lợi của bà X được bảo vệ như quyền lợi của người thứ ba ngay tình đã làm ảnh hưởng, thiệt hại đến quyền lợi của các đương sự khác mà nghiêm trọng nhất là ông T2, bà P

Sai phạm trong nhận định về yếu tố lỗi: Tòa án cấp sơ thẩm không có bất kỳ cơ sở pháp lý nào nhưng lại phán quyết ông T2, bà P phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bà X là xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi của ông T2, bà P khi phải bồi thường cho một cá nhân mà họ không có giao dịch, không có lỗi cũng không tham gia trong mối quan hệ tranh chấp.

Sai phạm trong việc nhận định ông T2, bà P hưởng lợi: bản án sơ thẩm không nêu rõ ông T2, bà P phải bồi thường cho bà X căn cứ vào đâu, trong mối quan hệ tranh chấp nào. Quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá” nhưng ông T2, bà P không ký kết hợp đồng bán đấu giá, không tham gia vào quá trình bán đấu giá cũng như không có bất kỳ giao dịch nào với bà X trong mối quan hệ bán đấu giá tài sản nên không thể là bồi thường thiệt hại trong hợp đồng. Nếu là mối quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì bản chất quan hệ tranh chấp đã xác định sai. Đồng thời, căn cứ theo quy định tại Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yếu tố lỗi không phải là một trong những căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nên việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An và Công ty Đ1 không có lỗi để loại trừ trách nhiệm bồi thường là không đúng. Tuy yếu tố lỗi không phải là một trong những căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, nhưng yếu tố lỗi lại là căn cứ để xác định mức độ trách nhiệm bồi thường, trong mối quan hệ tranh chấp này, ông T2, bà P không hề có lỗi, cũng không hề chủ động được trong việc chậm giao tài sản đối với bà X.

Sai phạm trong việc nhận định mối quan hệ tương quan giữa quan hệ tranh chấp và vai trò của ông T2, bà P trong vụ án: giữa quan hệ tranh chấp được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và kết quả tuyên của bản án không hề có bất kỳ mối quan hệ tương quan, nhân quả nào, ông T2, bà P không giữ bất kỳ vai trò nào mà lại phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hợp đồng là không có cơ sở, xâm phạm quyền lợi của ông T2, bà P.

Do Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và nội dung ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.
- Về nội dung:
 - + Về thủ tục tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đưa thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại Biên bản phiên tòa ngày 21/4/2023, Tòa án xét xử quan hệ tranh chấp “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do kết quả bán đấu giá tài sản bị hủy” tương ứng với yêu cầu của nguyên đơn “yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) D, Công ty Đ1, ông T2 và bà P liên đới bồi thường cho bà X số tiền là 6.237.655.000 đồng”. Tòa án nghị án đến ngày 28/4/2023 thì quay lại phân hỏi để xác định lại yêu cầu của nguyên đơn: “Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, Công ty Đ1, ông T2 và bà P phải liên đới bồi thường cho bà X”. Hội đồng xét xử ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 28/4/2023 để thu thập thêm chứng cứ.

Tại Biên bản phiên tòa ngày 07/6/2023, Tòa án xét xử quan hệ tranh chấp “Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản đấu giá” tương ứng với yêu cầu: “bà X yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và Công ty Đ1, ông Trần Quốc T2 và bà Châu Ngọc P liên đới trả cho bà X giá trị tài sản chênh lệch là 1.802.000.000 đồng”.

Như vậy, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện từ bồi thường thiệt hại sang tranh chấp hợp đồng mua tài sản bán đấu giá, từ một bị đơn thành 04 bị đơn nên việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu*”.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương rút hồ sơ thi hành án lên để thi hành, bán tài sản qua đấu giá cho ông Hoàng Ngọc T4 và phân phối số tiền bán đấu giá được. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng ông T2, bà P hưởng lợi từ số tiền chênh lệch giữa lần bán tài sản cho ông T4 4.600.000.000 đồng tỷ đồng với lần bán cho bà X 2.800.000.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại không đưa Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương tham gia tố tụng để làm rõ việc ông T2, bà P có hưởng lợi hay không để buộc bồi thường.

+ Giải quyết vụ án chưa triệt để, không đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà X căn cứ Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 69 ngày 30/10/2014 để khởi kiện yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, Công ty Đ1, ông Trần Quốc T2 và bà Châu Ngọc P liên đới trả cho bà X giá trị tài sản chênh lệch là 4.618.000.000 đồng - 2.816.000.000 đồng = 1.802.000.000 đồng được Tòa án thụ lý quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản đấu giá*”. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định tài sản mà bà X mua trúng đấu giá được bán cho ông Hoàng Ngọc T4 nhưng Tòa án không tuyên hủy hợp đồng này.

Ông Trần Quốc T2 và bà Châu Ngọc P không tham gia ký kết Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 69 ngày 30/10/2014, nguyên đơn bà X thay đổi yêu cầu về bồi thường thiệt hại thành trả lại cho bà X giá trị tài sản chênh lệch và Tòa án thụ lý quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản đấu giá*” nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên trách nhiệm bồi thường của ông T2 và bà P: “*Buộc ông Trần Quốc T2 và bà Châu Ngọc P liên đới bồi thường cho bà VI Lệ Xuân số tiền 1.802.000.000 đồng*” là giải quyết không đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Căn cứ phát sinh thiệt hại:

Quyết định giám đốc thẩm số 150/2021/DS-GĐT ngày 11/5/2021 quyết định hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 25/2016/DS-PT ngày 22/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2015/DS-ST ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương. Theo Quyết định giám đốc thẩm số 150/2021/DS-GĐT ngày 11/5/2021, kết quả bán đấu giá tài sản cho bà X có hiệu lực. Bà X chưa yêu cầu cơ quan thi hành án giao tài sản mua trúng đấu giá thì không thể có căn cứ phát sinh bồi thường thiệt hại.

+ Xác định giá trị tài sản thiệt hại không phù hợp:

Sau khi có Bản án dân sự phúc thẩm số 25/2016/DS-PT ngày 22/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về hủy kết quả đấu giá, hủy Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 69 ngày 30/10/2014, bà X có đơn khởi kiện bồi thường thiệt hại do kết quả bán đấu giá tài sản bị hủy được Tòa án thụ lý ngày 26/10/2016.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa, ngày 30/12/2016, Công ty Đ1 đã trả cho bà X toàn bộ số tiền mua tài sản trúng đấu giá là 2.816.000.000 đồng. Từ thời điểm bà X nhận lại tiền mua trúng đấu giá ngày 30/12/2016 thì không còn phát sinh thiệt hại bao gồm giá trị chênh lệch phát sinh sau thời điểm này.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm phải xác định giá trị tài sản tại thời điểm 30/12/2016 là bao nhiêu thì mới có căn cứ tính giá trị tài sản chênh lệch so với thời điểm bà X mua trúng đấu giá ngày 30/10/2014. Nhưng bà X lấy giá trị 4.618.000.000 đồng tại thời điểm ông T4 mua trúng đấu giá ngày 11/10/2017 so với thời điểm bà X mua trúng đấu giá ngày 30/10/2014 chênh lệch 1.802.000.000 đồng và được Tòa án chấp nhận là không có căn cứ.

Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông T2, bà P về hủy bản án sơ thẩm; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo bị đơn là Công ty Đ1, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 07/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn có văn bản ủy quyền cho ông Võ Duy K hoặc ông Hà Văn K1. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hà Văn K1 vắng mặt và có đơn đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa do ông Hà Văn K1 bị bệnh, chưa có thời gian nghiên cứu hồ sơ vụ án và không đủ sức khỏe để tham gia phiên tòa; ông Võ Duy K có mặt và yêu cầu hoãn phiên tòa vì ông chưa có thời gian nghiên cứu hồ sơ vụ án. Xét thấy, đối với ông Hà Văn K1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông K1 vẫn vắng mặt không lý do, ông Hà Văn K1 cho rằng mình bị bệnh, không đủ sức khỏe để tham gia phiên tòa nhưng không có chứng cứ chứng minh ông không đến tham dự phiên tòa vì bị bệnh. Đồng thời, nguyên đơn bà X ủy quyền cho ông Hà Văn K1 hoặc ông Võ Duy K, ông Võ Duy K có mặt tại phiên tòa nên đối với yêu cầu hoãn phiên tòa của ông Hà Văn K1 thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Hà Văn K1. Đối với ông Võ Duy K yêu cầu hoãn do ông chưa có thời gian nghiên cứu hồ sơ vụ án thì không thuộc các trường hợp phải hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa của người đại diện hợp pháp nguyên đơn và tiến hành xét xử vắng mặt ông Hà Văn K1.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty Đ1: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Công ty Đ1 đã rút yêu cầu kháng cáo, việc rút kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty Đ1.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim Đ, ông Hoàng Ngọc T4 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần T7 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại các Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 56/2012/QĐST-DS, số 57/2012/QĐST-DS, số 58/2012/QĐST-DS cùng ngày 30/5/2012, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương đã quyết định ông Trần Quốc T2, bà Châu Ngọc P phải trả cho bà Nguyễn Thị T5, bà Lê Thị H2, ông Lê Minh T6 tổng số tiền là 25.632.400.000 đồng. Do ông T2, bà P không có khả năng trả nợ nên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương đã kê biên tài sản (nhà đất) của ông T2, bà P bán đấu giá để thi hành án. Tại Biên bản bán đấu giá tài sản ngày 30/10/2014 thể hiện bà Vương Lê X đã mua trúng đấu giá tài sản nêu trên với số tiền 2.816.000.000 đồng. Công ty TNHH Đ1 (nay là Công ty Đ1) và bà X đã ký Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 69 ngày 30/10/2014 và bà X đã nộp đủ số tiền nêu trên vào ngày 28/11/2014 nhưng chưa được nhận tài sản mua trúng đấu giá.

[5] Ngày 19/01/2015, ông T2, bà P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy kết quả bán đấu giá ngày 30/10/2014 và tuyên bố Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 69 nêu trên vô hiệu. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2015/DS-ST ngày 28/9/2015 Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T2, bà P. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 25/2016/DS-PT ngày 22/01/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T2, bà P, hủy kết quả bán đấu giá tài sản và hủy Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 69 ngày 30/10/2014 giữa Công ty Đ1 với bà X.

[6] Ngày 17/10/2016, bà X có đơn khởi kiện yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương bồi thường thiệt hại do kết quả bán đấu giá tài sản bị hủy. Tòa án cấp sơ thẩm (tại Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2017/DS-ST ngày 31/8/2017), Tòa án cấp phúc thẩm (tại Bản án dân sự phúc thẩm số 86/2018/DS-PT ngày 02/5/2018) và Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (tại Quyết định giám đốc thẩm số 82/2019/DS-GĐT ngày 04/5/2019) đều căn cứ Bản án dân sự phúc thẩm số 25/2016/DS-PT ngày 22/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết vụ án.

[7] Tuy nhiên, tại Quyết định kháng nghị số 03/2021/KN-DS ngày 19/01/2021, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 25/2016/DS-PT ngày 22/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 150/2021/DS-GĐT ngày 11/5/2021, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định chấp nhận Quyết định kháng nghị số 03/2021/KN-DS ngày 19/01/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 25/2016/DS-PT ngày 22/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2015/DS-ST ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[8] Như vậy, Bản án dân sự phúc thẩm số 25/2016/DS-PT ngày 22/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mà Tòa án căn cứ vào đó để giải quyết vụ án “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do kết quả bán đấu giá bị hủy” giữa nguyên đơn là bà Vương Lê X với bị đơn là Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương đã bị hủy bỏ. Ngày 30/5/2022, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị tái thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm số 82/2019/DS-GĐT ngày 04/5/2019 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh theo Quyết định kháng nghị tái thẩm số 19/2022/KN-DS. Tại Quyết định tái thẩm số 27/2022/DS-GĐT ngày 23/8/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã chấp nhận kháng nghị, hủy quyết định giám đốc thẩm nêu trên, hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 86/2018/DS-PT ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

[9] Khi thụ lý lại vụ án, thì quan hệ tranh chấp vẫn phải là “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do kết quả bán đấu giá bị hủy”. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung sau khi đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử, chấp nhận đơn khởi kiện bổ sung thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đấu giá” là không đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, không đúng yêu cầu khởi kiện.

[10] Do xác định sai quan hệ pháp luật dẫn đến Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập kết quả việc thi hành án đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2015/DS-ST ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương để làm rõ sau khi có Quyết định giám đốc thẩm số 150/2021/DS-GĐT ngày 11/5/2021 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì bà X đã yêu cầu bàn giao tài sản, thi hành án đối với bản án sơ thẩm nêu trên chưa để làm rõ có hay không có thiệt hại do không bàn giao được tài sản theo hợp đồng mua bán đấu giá cho bà X, lỗi dẫn đến việc không bàn giao tài sản để làm rõ thiệt hại cũng như trách nhiệm bồi thường cho bà X. Đồng thời, tài sản mà bà Vương Lệ X mua theo hợp đồng mua bán tài sản được công nhận theo Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2015/DS-ST ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã được Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương rút hồ sơ thi hành án và tiến hành bán đấu giá lại tài sản. Như vậy, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương phải tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và không đưa vào tham gia tố tụng là vi phạm khoản 6 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[11] Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng nên Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

[12] Đề nghị người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông T2, bà P là có căn cứ.

[13] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[14] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 3 Điều 308; Điều 312, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Công ty Đ1.
2. Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quốc T2, bà Châu Ngọc P.
3. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Quốc T2, bà Châu Ngọc P và Công ty Đ1 không phải chịu.

Hoàn trả cho Trần Quốc T2, bà Châu Ngọc P mỗi người số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006556 và số 0006557 cùng ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương (do bà Đào Thị T3 nộp thay).

Hoàn trả cho Công ty Đ1 số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006584 ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương (do ông Huỳnh Thanh H1 nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố D;
- TAND thành phố D;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Mộng Tuyết